

Bản án số: **92/2018/HSST**

Ngày: **24/5/2018**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Ngọc Phú** và bà **Phạm Thị Hoài**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Anh** - Thư ký
Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Tường**- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2018/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đăng H**, sinh năm 1984. Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn Chỉ B, xã Thụy Tr, huyện Thái Th, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 8/12; con ông Nguyễn Đăng H1 và bà Phạm Thị L (đều đã chết). Ông H1 được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; có vợ là H2 Thị Minh N, sinh năm 1983 (Đã L hôn); Có 01 con sinh năm 2008; Tiền sự : Không; Tiền án: Bản án số 13 ngày 29/01/2010 của TAND thành phố H xử phạt 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; chấp hành xong hình phạt ngày 15/10/2011; Bản án số 135 ngày 22/8/2012 của TAND thành phố H xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*trị giá tài sản 27.882.000 đồng*); Chấp hành xong hình phạt ngày 28/8/2014; Bản án số 70 ngày 14/5/2015 của TAND thành phố H xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*trị giá tài sản 16.075.000 đồng*); chấp hành xong hình phạt ngày 09/01/2017, nộp án phí ngày 11/8/2015. Nhân thân: Bản án số 101 ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*trị giá tài sản 600.000 đồng*); chấp hành xong hình phạt ngày 18/9/2009. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2017, chuyển tạm giam từ ngày 28/12/2017 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Chị **Ngô Thị Qu**, sinh năm 1998.
Đăng ký hộ khẩu: Xã Quang M, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương;
Chỗ ở: Ngách 3/78 Nguyễn Thị D, phường Thanh B, thành phố H (Bà M chủ nhà trọ); Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Đinh Thị Lưu L**, sinh năm 1998
Đăng ký hộ khẩu: Thôn Tân A, xã Hùng A, huyện BG, tỉnh Hà Giang.
Chỗ ở: Số 6/142 Nguyễn Thị D, phường Thanh B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1983.
Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 241A phố Chương D, phường Trần P, thành phố H; Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh **Nguyễn Trác H2**, sinh năm 1969.
Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Xóm CĐ, phường Bình H, thành phố H;
Có đơn xin xử mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1. Anh **Trần Anh T**, sinh năm 1974;
Cư trú tại: Khu 11 phường Tân B, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
2. Anh **Đinh Trọng Th**, sinh năm 1989;
Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 9B/31 Đền M, phường Ph, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8h00' ngày 26/12/2017, tại trước cửa số nhà 8/101 An Th, phường Bình H, thành phố H, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy-Công an thành phố H bắt quả tang Nguyễn Đăng H đang cất giấu trái phép trong lòng bàn tay trái 01 gói giấy bạc màu trắng kích thước (0,5x1)cm, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, H khai là Heroine cất giấu để sử dụng. Khi bắt giữ có sự chứng kiến của anh Đinh Trọng Th ở số 9B/13 Đền M, phường Ph, thành phố H và anh Trần Anh T ở Khu 11 phường Tân B, thành phố H. Quá trình điều tra đã xác định: H là đối tượng nghiện ma túy (loại heroine) từ năm 2007. Khoảng 7h15' ngày 26/12/2017, H đến đường An Th, phường Bình H, thành phố H, mua được 01 gói Heroin với số tiền 100.000đ của người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) rồi cầm trong tay trái đi tìm nơi sử dụng. Đến khoảng 08h00phút cùng ngày, khi H đi đến trước cửa số nhà 8 ngõ 101 An Th, phường Bình H, thành phố H thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy-Công an thành phố H bắt quả tang, thu giữ trong lòng bàn tay trái của

H 01 gói giấy bạc màu trắng kích thước (0,5x1)cm, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng trước sự chứng kiến của anh Thắng và anh Tuấn.

Tại bản kết luận giám định số 83/KLGD-PC 54 ngày 27/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương xác định: “*Chất bột (dạng cục) màu trắng, ghi thu của Nguyễn Đăng H gửi đến giám định có trọng lượng là 0,117g (Không phải một trăm mười bảy gam), là loại Heroine, chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ*”.

Về vật chứng: Đối với 0,089 gam Heroine hoàn lại sau giám định đựng trong phong bì niêm phong số 83/KLGD/PC54 được quản lý tại kho vật chứng của Công an thành phố H chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đăng H tự nguyện khai báo: Do bị nghiện chất ma túy và để có tiền chi tiêu nên vào các ngày 22/7/2017 và 12/10/2017, H đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố H, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09h20 phút ngày 22/7/2017, H đi bộ vào dãy nhà trọ ở số 62/3/78 Nguyễn Thị D, phường Thanh B, thành phố H, phát hiện cửa phòng trọ số 101 của chị Ngô Thị Qu, ở xã Quang M, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương thuê mở hé. Quan sát thấy chị Qu đang nằm ngủ, đầu giường giáp cửa để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng loại 64G, H lườn tay qua khe cửa lấy chiếc điện thoại. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, H tháo sim điện thoại vứt đi rồi mang đến bán cho anh Nguyễn Văn D ở số 193 Trần Hưng Đ, thành phố H được số tiền 5.500.000 đồng. H đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Anh D đã bán chiếc điện thoại cho người không quen biết.

Vụ thứ hai: Khoảng 14h30’ ngày 12/10/2017, H đi bộ đến dãy trọ ở số 6/142 Nguyễn Thị D, phường Thanh B, thành phố H, phát hiện thấy cổng của dãy trọ không khóa, trên hành lang có 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ninja màu đỏ, số khung LN240150008XX của chị Đinh Thị Lưu L ở xã Hùng A, huyện Bắc Qu, tỉnh Hà Giang đang sạc điện. Quan sát thấy không có người trông coi, xe không khóa nên H đi vào rút sạc điện, dắt xe ra ngoài đạp đi. Đến 19h00 cùng ngày, H đem chiếc xe đạp trên đến bán cho ông Nguyễn Trác H2 ở phố CĐ, phường Bình H, thành phố H được số tiền 1.700.000 đồng. H đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Ông H2 đã bán chiếc xe đạp điện trên cho người không quen biết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐGD ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: *Giá trị 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6S Plus, 64Gb, màu vàng, đã qua sử dụng, mua mới tháng 01/2017 là 11.192.000đ; Giá trị 01(một) chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ninja, màu đỏ, số khung LN240150008XX, đã qua sử dụng, mua cũ tháng 7/2017 là 4.750.000đ;*

Chi phí cấp lại 01 chiếc sim mạng Viettel, số 0989321465 là 25.000đ. Tổng cộng giá trị là 15.967.000 đồng (Mười lăm triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng chẵn”.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Về trách nhiệm dân sự: Chị Ngô Thị Qu yêu cầu H phải bồi thường giá trị tài sản mà H đã chiếm đoạt và chi phí cấp lại thẻ sim là 11.217.000 đồng; chị Đinh Thị Lưu L yêu cầu H phải bồi thường giá trị tài sản mà H đó chiếm đoạt là 4.750.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 78/CT-VKSTPHD ngày 09/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Đăng H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm o khoản 2 Điều 249 và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (được viết tắt là BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; (đối với tội trộm cắp tài sản); điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng H từ 5 năm 3 tháng đến 5 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng đến 07 (Bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2017; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 của BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản mà H đã chiếm đoạt và chi phí cấp lại thẻ sim là 11.217.000 đồng cho chị Ngô Thị Qu và phải bồi thường giá trị các tài sản mà H đó chiếm đoạt là 4.750.000 đồng cho chị Đinh Thị Lưu L; Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định; Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08h00 phút ngày 26/12/2017, tại trước cửa số nhà 8/101 An Th, phường Bình H, thành phố, Nguyễn Đăng H đang cất giấu trái phép 0,117 gam Heroine để sử dụng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy-Công an thành phố H bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Đồng thời bị cáo đã lợi dụng sơ hở của những người chủ sở hữu trong quản lý tài sản, vào khoảng 9h20phút ngày 22/7/2017 và 14h30' ngày 12/10/2017, tại phòng trọ số 101, nhà số 62/3/78 Nguyễn Thị D và hành lang nhà trọ số 6/142 Nguyễn Thị D, phường Thanh B, thành phố H, Nguyễn Đăng H đã chiếm đoạt của chị Ngô Thị Qu 01 điện thoại Iphone 6S Plus, màu vàng, loại 64Gb trong có lắp sim số 0989321465 trị giá 11.192.000 đồng; chiếm đoạt của chị Đinh Thị Lưu L 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ninja màu đỏ, số khung LN240150008XX trị giá 4.750.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Đăng H chiếm đoạt là 15.942.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước cấm lưu hành, có tác hại lớn đến sức khỏe con người và là nguyên nhân gây phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội. Việc bị cáo cất giấu trái phép 0,117g gam Heroine trong người để sử dụng trái phép là vi phạm pháp luật hình sự và việc chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nhưng vì mục đích thỏa mãn cơn nghiện và cần tiền để tiêu xài, bị cáo coi thường pháp luật nên bị cáo cố ý thực hiện. Bị cáo có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, mới ra trại ngày 09/01/2017, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, nay lại thực hiện hành vi phạm tội cùng loại tội nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm p khoản 2 Điều 194 nay là o khoản 2 Điều 249 của BLHS 2015 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 2009, nay là điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang không yên tâm cho nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngang nhiên giữa ban ngày, thể hiện sự táo tợn, coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải áp

dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[2] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có nhân thân xấu đã bị cáo Tòa án xét xử tại nhiều bản án, mới ra trại ngày 09/01/2017. Trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội trộm cắp vào ngày 22/7/2017; ngày 12/10/2017 và ngày 26/12/2017. Nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra bị cáo tự thú về 2 hành vi trộm cắp tài sản, khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bố bị cáo là người có công với cách mạng; đó là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 của Điều 51 của BLHS.

Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi đối với tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009. Tuy nhiên, tại Điều 173 BLHS năm 2015 không quy định hình phạt tù chung thân đối với tội Trộm cắp tài sản. Do vậy, xác định tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015 nhẹ hơn tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 BLHS sửa đổi năm 2009 nên HĐXX áp dụng đối với bị cáo theo hướng có lợi cho người phạm tội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Ngô Thị Qu và chị Đinh Thị Lưu L yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các chị nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng: Đối với 0,089 gam Heroine hoàn lại sau giám định. Xét Heroine là chất cấm lưu hành nên tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với đối tượng đã bán trái phép chất ma túy cho H tại đường An Th, phường Bình H, thành phố H, H không biết tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan Công an tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Trách H2 là người mua tài sản của H nhưng không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có nên xác định không vi phạm, Cơ quan CSĐT-Công an thành phố H không đề cập hình thức xử lý. Nay anh D và anh H2 đều xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đăng H** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội trộm cắp tài sản), điểm a khoản 1 Điều 55; b khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 48 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng H 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **07 (Bảy) năm 09 (chín) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đăng H phải có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6S Plus, 64Gb (11.192.000đ) và chi phí cấp lại 01 chiếc sim mạng Viettel, số 0989321465 (25.000đ). Tổng cộng = 11.217.000 đồng (*Mười một triệu, hai trăm mười bảy ngàn đồng*) cho chị Ngô Thị Qu, sinh năm 1998. Đăng ký hộ khẩu: Xã Quang M, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở: Ngách 3/78 Nguyễn Thị D, phường Thanh B, thành phố H; bồi thường giá trị chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ninja, màu đỏ, số khung LN240150008XX là 4.750.000 đồng (*Bốn triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) cho chị Đinh Thị Lưu L, sinh năm 1998. Đăng ký hộ khẩu: Thôn Tân A, xã Hùng A, huyện BG, tỉnh Hà Giang. Chỗ ở: Số 6/142 Nguyễn Thị D, phường Thanh B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Qu và chị L có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo H không thi hành trả khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định, được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong số 83/KLGD PC54 của Phòng kỹ thuật - Công an tỉnh Hải Dương (*Tình trạng vật chứng theo biên*

bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H ngày 20/4/2018).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đăng H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 798.300đ (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (chị Qu và chị L) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh D, anh H2) vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- VKSND Tỉnh Hải Dương.
- Công an thành phố H.
- Chi cục THADS thành phố H.
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên